

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày 07/5/2024

V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Sỹ và ông Nguyễn Hà Giang.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Việt Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 07/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2024 về việc “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/4/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số .../QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1997; địa chỉ tổ dân phố 1, thị trấn M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

Bị đơn: Anh Đỗ Hồng H1 sinh năm 1993; địa chỉ thôn 1, xã k, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị H trình bày: Chị H và anh H1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 22/01/2018. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ cuối năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc nên chị H đã chuyển về nhà bố mẹ ở và vợ chồng sống ly thân cho đến nay; nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin ly hôn anh H1. Về con, vợ chồng có 01 con nuôi là cháu Đỗ Msinh ngày 01/4/2021; chị H đề nghị giao cháu Mcho anh H1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu Mđủ 18 tuổi, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh H1. Về tài sản, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Tại bản tự khai bị đơn là H1 trình bày: Anh H1 và chị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 22/01/2018. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2022 chị H tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh H1 nhiều lần gọi điện thoại cho chị H để hỏi lý do và bảo chị

H quay về, tuy nhiên chị H không đồng ý, nên từ đó đến nay anh H1 không liên lạc với chị H nữa; anh H1 không đồng ý ly hôn chị H. Về con, anh H1 và chị H có 01 con nuôi là cháu Đỗ Msinh ngày 01/4/2021; giả sử ly hôn anh H1 đề nghị giao cháu Mcho anh H1 nuôi dưỡng, anh H1 không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con cho anh H1. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định; bị đơn trong vụ án chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, quyết định:

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Đỗ Hồng H1.
- Về con, giao cháu Đỗ Msinh ngày 01/4/2021 cho anh H1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu Mđủ 18 tuổi; chị H không phải cấp dưỡng nuôi cho anh H1 và chị H có quyền thăm nom cháu Huyền Anh.
- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị H khởi kiện “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” với anh H1, việc khởi kiện của chị H được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh H1 cư trú tại xã Khánh Phú, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn là anh H1 vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập lần 02, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H1.

[2] Về yêu cầu ly hôn:

Về hôn nhân: Chị H và anh H1 đều tự nguyện kết hôn với nhau; đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Đình (nay là UBND thị trấn Đại Đình) vào ngày 22/01/2018; tại thời điểm kết hôn cả chị H và anh H1 đều đủ điều kiện kết hôn. Nên hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp.

Lý do ly hôn: Theo chị H trình bày trong cuộc sống chung của vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp và cuộc sống vợ

chồng không có hạnh phúc; cả chị Hương và anh H1 đều xác định từ cuối năm 2022 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không có liên lạc gì với nhau.

Như vậy, có căn cứ xác định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H1 trong thời gian qua đã phát sinh mâu thuẫn; việc vợ chồng sống ly thân đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; anh H1 không đồng ý ly hôn chị H, nhưng anh H1 không đến Tòa án để tham gia phiên hoà giải, điều này thể hiện mục đích hôn nhân giữa chị H và anh H1 không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân cho chị H ly hôn anh H1.

[3] Về nuôi con: Chị H và anh H1 có 01 con là cháu Đỗ M sinh ngày 01/4/2021. Cả chị H và anh H1 đều đề nghị giao cháu M cho anh H1 nuôi dưỡng, nên chấp nhận đề nghị của chị H và anh H1 giao cháu M cho anh H1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, do anh H1 không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con cho anh H1, nên Tòa án không buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con cho anh H1. Chị H được quyền thăm nom cháu Huyền Anh.

[4] Về tài sản: Chị H và anh H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng Chị H và anh H1 không vay mượn ai tài sản gì.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Đỗ Hồng H1.

2.2. Về nuôi con: Giao cháu Đỗ M sinh ngày 01/4/2021 cho anh H1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh H1.

Chị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu M được sống chung với anh H1 và chị H có quyền thăm nom cháu Huyền Anh; anh H1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huyền Anh.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001593 ngày 27/2/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị H đã nộp đủ án phí về việc ly hôn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Chi cục THA
- UBND thị trấn Đại Đình
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực